TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHIÊM HÓA** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/DS-ST
Ngày: 09-01-2025
" Về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HÓA, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Mạnh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Quang Phượng;

2. Ông Lý Văn Tòng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bàn Thị Bích Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Ngày 09 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 55/2024/TLST- DS ngày 12 tháng 11 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 19/2024/QĐXXST- DS ngày 25 tháng 12 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn*: Công ty X; địa chỉ trụ sở: Lầu 1 Tòa nhà C, Nguyễn Thị Minh K, phường Võ Thị S, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông, chức vụ: Tổng giám đốc; người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Việt Ng, chức vụ: Phó Bộ phận quản lý công nợ.

Đại diện theo ủy quyền lại: Công ty Luật T; địa chỉ: Tổ x, phố Trung K, phường Yên H, quận Cầu G, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quang D, chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Hà Đức T, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn Đ, xã Nhân L, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:* Ngày 28/11/2020 ông Hà Đức T ký hợp đồng tín dụng số 909380001077013000, kèm phụ lục số 01/BHKV với Công ty X, vay tiền mặt theo hình thức trả góp hàng tháng. Số tiền vay là 25.000.000 đồng, lãi suất 3,17%/tháng, thời hạn vay 36 tháng. Thực hiện hợp đồng của Công ty X đã giải ngân số tiền trên theo thỏa thuận tại

Hợp đồng tín dụng và ông T đã nhận tài sản. Theo thỏa thuận hợp đồng tín dụng thì ông T có trách nhiệm thanh toán bao gồm tiền gốc, lãi và phí trong vòng 36 tháng, mỗi tháng ông T phải thanh toán cho Công ty X số tiền là 1.174.325 đồng vào trước hoặc đúng ngày cuối cùng hàng tháng cho đến khi kết thúc hợp đồng. Ngày thanh toán đầu tiên bắt đầu từ ngày 31/12/2020. Từ ngày 31/12/2020 đến 30/6/2022 ông T thanh toán cho công ty được số tiền là 21.150.952 đồng (trong đó: Tiền gốc là 9.081.504 đồng, lãi trong hạn là 12.056.551 đồng, lãi quá hạn là 12.897 đồng, phí là 0 đồng).

Tuy nhiên, từ sau ngày 30/6/2022 đến nay, ông T không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty X và cố tình lẩn tránh, vi phạm các quyền và nghĩa vụ quy định tại Hợp đồng. Công ty X đã nhiều lần yêu cầu ông T thực hiện nghĩa vụ, nhưng ông T cố tình không thanh toán. Việc ông T không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán đã vi phạm thỏa thuận mà hai bên đã ký kết, ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty X.

Công ty X yêu cầu ông Hà Đức T phải thanh toán số tiền là 23.257.758 đồng, trong đó: Tiền gốc là 15.918.496 đồng, tiền lãi tính đến ngày 23/10/2024 gồm tiền lãi trong hạn là 6.530.217 đồng, lãi quá hạn là 809.045 đồng. Buộc ông Hà Đức T tiếp tục phải thanh toán cho Công ty X tiền lãi, lãi quá hạn và phí kể từ sau ngày 23/10/2024 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 909380001077013000 ngày 28/11/2020.

- *Tại bản tự khai và quá trình giải quyết anh Hà Đức T trình bày:* Ngày 28/11/2020, anh T có vay bên Công ty X một khoản tiền trên 20.000.000 đồng. Sau khi vay tiền anh vẫn tiến hành thanh toán tiền lãi và tiền gốc theo tháng. Đến năm 2022 anh bị tai nạn, điều kiện kinh tế không đủ để trả cả lãi và gốc cho Công ty X. Đến tháng 10/2024, anh nhận được đơn khởi kiện của Công ty X, yêu cầu anh phải thanh toán số tiền là 23.257.758 đồng, trong đó: Tiền gốc là 15.918.496 đồng, tiền lãi tính đến ngày 23/10/2024 gồm tiền lãi trong hạn là 6.530.217 đồng, lãi quá hạn là 809.045 đồng. Buộc anh tiếp tục phải thanh toán cho Công ty X tiền lãi, lãi quá hạn và phí kể từ sau ngày 23/10/2024 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 909380001077013000 ngày 28/11/2020. Đến ngày 14/11/2024, anh đã thanh toán số tiền là 500.000 đồng cho Công ty X. Đối với yêu cầu khởi kiện anh đồng ý trả số tiền nợ gốc và lãi như Công ty X yêu cầu. Tuy nhiên anh đề nghị Công ty X tạo điều kiện để anh thanh toán hàng tháng là 500.000 đồng/tháng cho đến khi trả hết nợ cho Công ty X.

Ngày 27/12/2024, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa nhận được Văn bản trình bày ý kiến của Công ty Luật T là người đại diện theo ủy quyền cho Công ty X. Tại văn bản, Công ty trình bày: Xác nhận ngày 14/11/2024 bị đơn anh Hà Đức T đã chuyển số tiền 500.000 đồng vào số tài khoản của nguyên đơn Công ty X để thanh toán khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số 909380001077013000 ngày 28/11/2020. Số tiền này được trừ vào dư nợ gốc của khoản vay, số tiền này không đủ thực hiện nghĩa vụ của bị đơn anh Hà Đức T. Vì vậy, Công ty X giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và thay đổi số tiền gốc khởi kiện theo đơn là 15.418.496 đồng.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Công ty Luật T có đơn xin xét xử vắng mặt và không có ý kiến trình bày gì thêm.

Bị đơn anh Hà Đức T vắng mặt, tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt anh T trình bày: Anh nhất trí trả gốc và lãi như nguyên đơn yêu cầu, tuy nhiên anh có nguyện vọng trả 500.000 đồng/tháng cho đến khi trả hết nợ cho nguyên đơn. Ngoài ra, anh xác định ngày 14/11/2024 đã trả 500.000 đồng vào tài khoản của Công ty X. Đề nghị Toà án trừ số tiền 500.000 đồng vào số nợ gốc mà anh đang nợ của Công ty X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- *Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền:* Công ty X khởi kiện yêu cầu anh Hà Đức T có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng số 909380001077013000, ký ngày 28/11/2020. Bị đơn anh Hà Đức T có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã Nhân L, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Do vậy, xác định quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa.

- *Về việc ủy quyền tham gia tố tụng :* Nguyên đơn ủy quyền cho Công ty Luật T. Người đại diện thep pháp luật là ông Nguyễn Quang D, chức vụ: Giám đốc, tham gia tố tụng để thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự là phù hợp với quy định tại Điều 85, Điều 86 Bộ luật tố tụng dân sự, nên Công ty Luật T có tư cách đại diện nguyên đơn tham gia tố tụng tại Tòa án.

- *Về việc giải quyết vắng mặt đương sự:* Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Quan hệ tranh chấp giữa hai bên là tranh chấp hợp đồng tín dụng, thể hiện bằng Hợp đồng số 909380001077013000, ký ngày 28/11/2020. Xét hợp đồng tín dụng giữa Công ty X và anh Hà Đức T có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 nên có hiệu lực thi hành.

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Công ty X yêu cầu ông Hà Đức T phải thanh toán số tiền là 23.257.758 đồng, trong đó: tiền gốc là 15.918.496 đồng, tiền lãi tính đến ngày 23/10/2024 gồm tiền lãi trong hạn là 6.530.217 đồng, lãi quá hạn là 809.045 đồng. Buộc ông Hà Đức T tiếp tục phải thanh toán cho Công ty X tiền lãi, lãi quá hạn và phí kể từ sau ngày 23/10/2024 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 909380001077013000 ngày 28/11/2020.

Căn cứ lời trình bày của người đại diện của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cùng các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình và lời trình bày của bị đơn có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xác định: Anh Hà Đức T có ký Hợp đồng số 909380001077013000, ngày 28/11/2020, số tiền vay là 25.000.000 đồng, anh T đã nhận số tiền gốc là 25.000.000 đồng, phí bảo hiểm khoản vay là 684.000 đồng; thời hạn vay là 36 tháng; lãi suất: 3,17%/tháng (38,04%/năm) với mục đích vay mua thiết bị nội thất gia dụng. Việc ký kết giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối.

Thực tế dự nợ còn lại của anh T được thể hiện anh T có trả nợ gốc và lãi của khoản vay, nhưng có vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Cụ thể: Ngày thanh toán đầu tiên bắt đầu từ ngày 31/12/2020, từ ngày 31/12/2020 đến 30/6/2022 anh T đã thanh toán cho Công ty X được số tiền là 21.150.952 đồng (trong đó, số tiền gốc: 9.081.504 đồng, lãi trong hạn: 12.056.551 đồng, lãi quá hạn: 12.897 đồng, phí: 0 đồng). Tuy nhiên, từ sau ngày 30/6/2022 đến nay, anh T không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty X. Do vậy anh T vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều 7 của Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Ngày 14/11/2024 anh Hà Đức T đã chuyển số tiền 500.000 đồng vào số tài khoản của Công ty X để thanh toán khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số 909380001077013000 ngày 28/11/2020. Số tiền này được trừ vào dư nợ gốc của khoản vay, số tiền này không đủ thực hiện nghĩa vụ của anh T. Vì vậy, dư nợ gốc anh T còn nợ của Công ty X là 15.418.496 đồng.

Việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi trong hạn là: 6.530.217 đồng, lãi quá hạn là 809.045 đồng là phù hợp với thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và quy định của pháp luật nên có cơ sở để chấp nhận.

Công ty X áp dụng mức lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng. Căn cứ Điều 13 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, lãi suất Công ty X áp dụng là phù hợp với quy định pháp luật.

Như vậy, căn cứ hợp đồng tín dụng được xác lập và thỏa thuận trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên, không trái quy định nên được Hội đồng xét xử công nhận hợp pháp. Anh T đã vay số tiền 25.000.000 đồng theo như thỏa thuận, việc Công ty X yêu cầu anh T trả nợ và áp dụng mức lãi quá hạn 150% lãi suất vay trong hạn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, yêu cầu khởi kiện của Công ty X yêu cầu Tòa án buộc anh Hà Đức T trả số tiền nợ gốc và lãi còn nợ tính đến ngày 23/10/2024, tổng số tiền 23.257.758 đồng, trong đó: Tiền gốc là 15.918.496 đồng, tiền lãi tính đến ngày 23/10/2024 gồm tiền lãi trong hạn là 6.530.217 đồng, lãi quá hạn là 809.045 đồng, trừ đi số tiền gốc anh T trả vào ngày 14/11/2024 và buộc anh Hà Đức T tiếp tục phải thanh toán cho Công ty X tiền lãi, lãi quá hạn và phí kể từ sau ngày 23/10/2024 cho đến khi hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 909380001077013000 ngày 28/11/2020, là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ: Kể từ ngày tiếp theo của ngày 23/10/2024 cho đến khi thi hành án xong, anh Hà Đức T còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 909380001077013000 ngày 28/11/2020.

4] Về án phí: Căn cứ các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Anh Hà Đức T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; Công ty X không phải chịu án phí, trả lại cho Công ty X số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- *Căn cứ vào*: Khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, 144, 147, 227, 228, 235, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

- *Tuyên xử:*

1. Chấp nhận nội dung yêu cầu khởi kiện của Công ty X đối với anh Hà Đức T.

Buộc anh Hà Đức T có nghĩa vụ trả cho Công ty X tổng số tiền là 22.757.758đ (Hai mươi hai triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn bảy trăm năm mươi tám đồng), trong đó: Tiền gốc là 15.418.496 đồng, tiền lãi tính đến ngày 23/10/2024 gồm tiền lãi trong hạn là 6.530.217 đồng, lãi quá hạn là 809.045 đồng, theo hợp đồng tín dụng số 909380001077013000 ngày 28/11/2020.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 23/10/2024 cho đến khi thi hành án xong, anh Hà Đức T còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 909380001077013000 ngày 28/11/2020.

2. Về án phí: Anh Hà Đức T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.137.887đ (Một triệu một trăm ba mươi bảy nghìn tám trăm tám mươi bảy đồng).

Công ty X không phải chịu tiền án phí dân sự. Hoàn trả cho Công ty X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 581.444đ (Năm trăm tám mươi mốt nghìn bốn trăm bốn mươi bốn đồng) theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000002195143 ngày 12/11/2024 của Công ty cổ phần thanh toán quốc gia Việt Nam và Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000703 ngày 13/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

"Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Chiêm Hóa (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Mạnh Tuấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Quang Phượng **Lý Văn Tòng** **Hoàng Mạnh Tuấn**